

PHỤ LỤC

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH HUYỆN EA H'LEO NĂM 2024

ước thực hiện đến ngày 30/06/2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 06 năm 2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán 2024		Phát sinh trong tháng	Ước thu 6 tháng	Chia theo cấp ngân sách				% So sánh TH/DT	
		Tỉnh giao	HĐND Huyện giao			Ngân sách TW	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Huyện	Ngân sách Xã	Tỉnh giao	Huyện giao
A	B	1	2	3	4=5+...+8	5	6	7	8	9=4/1	10=4/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn (I+II)	100.100	110.100	11.264	76.297	4.654	3.217	53.259	15.167	76,2%	69,3%
I	Thu cân đối ngân sách	100.100	110.100	11.264	76.297	4.654	3.217	53.259	15.167	76,2%	69,3%
1	Thu thuế, phí và lệ phí	65.000	65.000	6.612	46.661	1.536	-725	30.823	15.027	71,8%	71,8%
1.1	Thu từ DNNN do TW quản lý	10	10		3		3	0		30,0%	30,0%
1.2	Thu từ DNNN địa phương q/lý	150	150	40	202			200	2	134,7%	134,7%
1.3	Thu từ khu vực CTN, DV NQD	19.380	19.380	1.950	15.678		2	12.454	3.222	80,9%	80,9%
1.4	Thuế thu nhập cá nhân	18.000	18.000	2.001	12.695		-1.202	9.079	4.818	70,5%	70,5%
1.5	Lệ phí trước bạ	19.000	19.000	1.984	13.059			7.731	5.328	68,7%	68,7%
1.6	Thu phí, lệ phí	5.200	5.200	395	3.542	1.356	182	899	1.105	68,1%	68,1%
1.7	Thuế SD đất NN và phi nông nghiệp	140	140	201	552				552	394,3%	394,3%
1.8	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	2.000	2.000	15	460			460		23,0%	23,0%
1.9	Thu tiền cấp quyền khai thác K.sản	270	270	18	290		290			107,4%	107,4%
1.10	Thu phạt do ngành thuế thực hiện	850	850	8	180	180				21,2%	21,2%
2	Thu biện pháp tài chính	35.100	45.100	4.652	29.636	3.118	3.942	22.436	140	84,4%	65,7%
2.1	Tiền sử dụng đất	30.000	40.000	4.101	25.694		3.856	21.838		85,6%	64,2%
2.2	Thu khác tại xã	40	40	0	0					0,0%	0,0%
2.3	Các khoản thu khác	3.060	3.060	339	2.351	1.527	86	598	140	76,8%	76,8%
2.4	Thu phạt ATGT	2.000	2.000	212	1.591	1.591				79,6%	79,6%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN EA H'LEO NĂM 2024
thực hiện đến ngày 30/06/2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán tỉnh giao 2024	DT UBND huyện giao 2024	Trong đó:		Thực hiện chi trong tháng	Tổng số đã thực hiện	Trong đó:		SS % tổng TH/DT tỉnh giao	SS % tổng TH/DT huyện giao
				Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, tt			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/1	10=6/2
	TỔNG CHI NS ĐỊA PHƯƠNG	750.659	920.147	800.297	119.850	61.342	336.793	286.927	49.866	44,9%	36,6%
A	CHI CÂN ĐỐI NS ĐP	750.659	920.147	800.297	119.850	61.342	336.793	286.927	49.866	44,9%	36,6%
I	Chi đầu tư phát triển (kể cả nguồn BS	25.500	203.298	201.329	1.969	10.024	55.638	55.638	0	218,2%	27,4%
II	Chi thường xuyên (bao gồm CTMT)	710.468	702.158	586.125	116.033	51.318	281.155	231.289	49.866	39,6%	40,0%
IV	Dự phòng ngân sách	14.691	14.691	12.843	1.848		0		0	0,0%	0,0%
B	CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH		0	0			0				